

## HIỆN TRẠNG KHAI THÁC NGUỒN LỢI THỦY SẢN VÙNG BIỂN VEN BỜ ĐÀ NẴNG

**Nguyễn Thị Tường Vi**

Khoa Sinh-Môi trường – Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng  
Số 459 – Tôn Đức Thắng – Đà Nẵng

**Tóm tắt:** Thành phố Đà Nẵng có 5 trong 8 quận huyện tiếp giáp với biển. Đời sống của đa số người dân trong các xã, phường ven biển phụ thuộc vào nguồn lợi thủy sản. Các đợt khảo sát cuối năm 2011 và đầu 2012 theo phương pháp tham vấn cộng đồng được thực hiện tại 4 phường (Thuận Phước, Mân Thái, Nại Hiên Đông và Thọ Quang) nhằm đánh giá hiện trạng khai thác nguồn lợi thủy sản vùng ven bờ thành phố Đà Nẵng. Vùng khai thác là vịnh Đà Nẵng và nam bán đảo Sơn Trà, từ bờ ra khoảng 25km. Cơ cấu ngành nghề và đối tượng khai thác ở các phường không giống nhau. Các nghề khai thác phổ biến nhất là nghề mảnh tôm, lưới rê, giã cào và câu. Có 14 đối tượng nguồn lợi chính và 2 đối tượng nguồn giống chính đang được ngư dân khai thác vào vụ gió mùa Đông Bắc và gió mùa Tây Nam. Kết quả khảo sát cũng cho thấy sự suy giảm nguồn lợi so với 5 năm trước đây.

**Từ khóa:** *Hiện trạng khai thác, Nguồn lợi thủy sản, Vùng ven bờ, Đà Nẵng*

## STATUS OF EXPLOITATION OF FISHERY RESOURCES IN COASTAL WATERS OF DANANG

**Nguyễn Thị Tường Vi**

Faculty of Biology – Environment, College of Education, Da Nang University

**Abstract:** Five out of eight districts of Da Nang city border on the sea. Livelihood of almost peoples of coastal districts depends on fishery resources. The surveys at 4 districts including Thuan Phuoc, Man Thai, Nai Hien Dong and Tho Quang were conducted in late 2011 and early 2012 in order to evaluate exploitation status of fishery resources in inshore areas of Da Nang city. Fishing areas included Da Nang bay and the southern area of Son Tra peninsula, from the shoreline roughly to 25 km offshore. Fishing gears were different among the surveyed districts. Popular fishing gears were shrimp lift net, drift net, bottom trawl and line hooker. Forty main commercial species groups and 2 main seed groups have been caught in two main wind seasons of North-

East and South – West. The results also revealed the decrease of the fishery resources comparing to the time five years before.

**Key work:** *Exploitation status, Fishery resources, Coastal waters, Da Nang.*

## I. GIỚI THIỆU

Đánh bắt hải sản là nghề truyền thống của ngư dân thành phố Đà Nẵng, với vùng khai thác chính là vịnh Đà Nẵng và nam bán đảo Sơn Trà. Vịnh Đà Nẵng có độ sâu không lớn, diện tích mặt nước 119km<sup>2</sup>, cùng với vùng rạn san hô có diện tích 104,6 ha quanh bán đảo Sơn Trà đã mang lại cho nghề cá nơi đây sự đa dạng về nguồn lợi. Tuy nhiên, hơn 50% trong tổng số 2.128 tàu thuyền của thành phố là ghe và thúng máy có công suất dưới 20cv đã thực sự gây áp lực khai thác lớn lên vùng biển ven bờ Đà Nẵng. Từ năm 2009 đến nay các cơ quan quản lý chuyên ngành tại địa phương đã tiến hành tổ chức thực hiện công tác điều tra, thống kê về tổng sản lượng khai thác hải sản bao gồm tôm, cá, mực các loại và mức độ tăng giảm sản lượng qua từng năm để phục vụ cho công tác quản lý chung, cho đề án phát triển bền vững của ngành. Tuy nhiên, các số liệu thống kê này chưa đầy đủ cho công tác quản lý nguồn lợi. Cơ sở khoa học của việc đề xuất các giải pháp sử dụng hợp lý nguồn lợi thủy sản ít nhất phải bao gồm những thông tin về hiện trạng khai thác, trong đó có phân tích tính hợp lý và chưa hợp lý của việc sử dụng nguồn lợi. Tuy nhiên, các thông tin cơ bản về hiện trạng khai thác nguồn lợi thủy sản vùng ven bờ thành phố Đà Nẵng chưa được thống kê. Hơn nữa, các thông tin về các đối tượng nguồn lợi chủ yếu, cũng như đặc trưng ngành nghề khai thác thủy sản ven bờ của các xã phường trọng điểm chưa được biết đến. Báo cáo này trình bày kết quả điều tra về hiện trạng khai thác nguồn lợi thủy sản vùng ven bờ Đà Nẵng bao gồm: (1) cơ cấu và đặc điểm các ngành nghề khai thác; (2) nguồn lợi khai thác chính; (3) mùa vụ khai thác các đối tượng thủy sản và (4) sự suy giảm nguồn lợi.

## II. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG HÁP

Bài báo là kết quả nghiên cứu trong khuôn khổ đề tài của thành phố Đà Nẵng: “Điều tra, nghiên cứu một số nguồn giống nguồn lợi chủ yếu vùng ven bờ Đà Nẵng” được tiến hành trong 2 năm 2011-2013.

Thông tin về hiện trạng khai thác nguồn lợi được thu thập bằng phương pháp tham vấn cộng đồng (Walters, 1998). Đã tổ chức 5 đợt tham vấn vào cuối tháng 12/2011 đến đầu tháng 1/2012 tại 4 phường ven biển gồm: Mân Thái, Nại Hiên Đông, Thọ Quang và Thuận Phước (Phường Thuận Phước tổ chức 2 buổi tham vấn), đây là 4 phường có số lượng ghe tàu khai thác ven bờ nhiều nhất

thành phố Đà Nẵng. Tại mỗi cuộc tham vấn, 25 - 30 ngư dân, là những người có kinh nghiệm chuyên khai thác thủy sản ven bờ bằng các nghề khác nhau, cùng với một số chủ nậu thu mua thủy sản được mời để tham gia tham vấn. Các thông tin được thu thập trong các cuộc tham vấn bao gồm: ngành nghề và đối tượng khai thác; nguồn lợi thủy sản khai thác chính; mùa vụ khai thác, sản lượng và doanh thu, sự thay đổi nguồn lợi so với những năm trước đây. Trong đó, nguồn lợi thủy sản chính là nguồn lợi được cộng đồng xác nhận rằng đây là đối tượng chủ yếu đem lại thu nhập cho ngư dân. Các thông tin đưa ra đều được ngư dân thảo luận, cân nhắc. Chi thu thập các số liệu được hầu hết ngư dân đồng thuận. Các số liệu này sau đó được xác nhận của hội nông dân phường.

Số liệu được tính toán và thống kê bằng phần mềm Excel và trình bày ở dạng bảng hoặc đồ thị. Sản lượng khai thác được tính theo FAO (2004):

$$P = CPUE * \text{Số ngày hoạt động tiềm năng} * \text{Số lượng tàu/ghe} * BAC$$

Trong đó:

- CPUE (Catch Per Unit Effort) là năng suất khai thác của một tàu làm một loại nghề cụ thể (con (kg)/ ghe/ ngày).

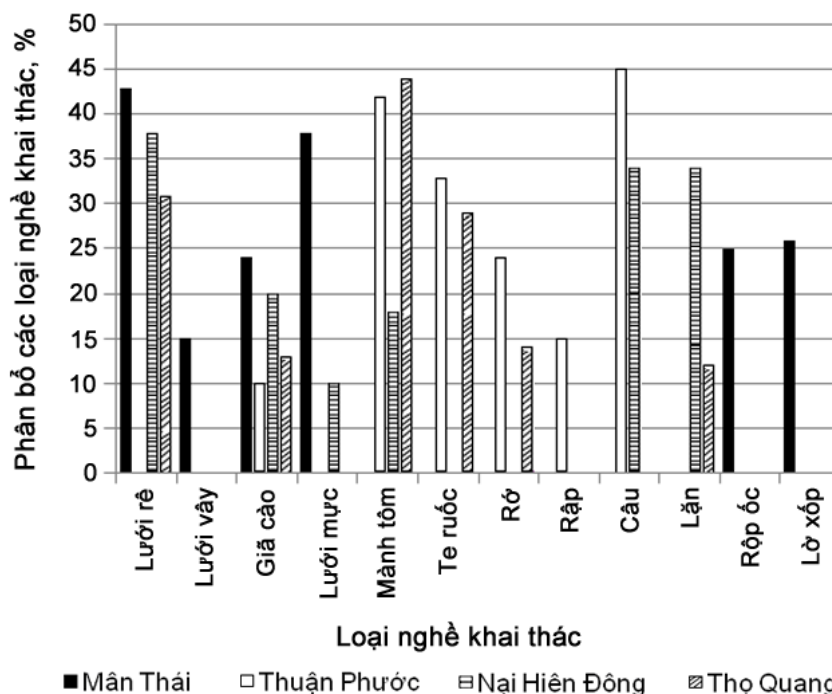
- BAC (Boat Acitive Coefficient) = Số lượng ghe đi khai thác/ tổng số ghe hiện có.

### III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 1. Cơ cấu và đặc điểm các ngành nghề khai thác

##### 1.1. Cơ cấu ngành nghề khai thác

Thống kê cho thấy hiện tại có 17 nghề khai thác thủy sản ven bờ thành phố Đà Nẵng bao gồm: lưới rê, lưới vây, lưới quây, lưới chim, lưới bạc, lưới mực, lưới ghe, giã cào, mảnh, rờ, lò, rộp ốc, te ruốc, câu, lặn, rập, vĩa xi-măng. Trong đó có 2 nghề khai thác khá phổ biến, có ở tất cả các phường ven biển của thành phố là giã cào và lưới rê. Phường Thọ Quang có cơ cấu nghề khai thác đa dạng nhất với 13 nghề. Nghề lưới rê chim (đánh bắt cá chim trắng) chỉ mới du nhập vào Đà Nẵng từ năm 2009 đến nay, phổ biến ở phường Thọ Quang, sau đó là Mân Thái. Xét trên các ngành nghề khai thác thủy sản chính của mỗi phường thì cơ cấu nghề khai thác thủy sản ven bờ của 4 phường trọng điểm Thuận Phước, Mân Thái, Nại Hiên Đông và Thọ Quang khác nhau rõ rệt (Hình 1)



**Hình 1.** Cơ cấu các ngành nghề khai thác thủy sản chính tại các phường trọng điểm vùng ven bờ Đà Nẵng.

Phường Mân Thái và Thuận Phước chỉ có chung 1 nghề khai thác là giã cào, mức độ khác cơ cấu nghề khai thác giữa 2 phường này rất lớn (84%). Hai phường Thọ Quang và Thuận Phước có tỉ lệ nghề khai thác giống nhau ở mức cao nhất (67% các nghề giống nhau). Đặc trưng ngành nghề khai thác của phường Mân Thái là lưới rê, giã cào, lưới mực, rộp ốc và lờ xóp chiếm tỉ lệ cao (25- 43%). Thuận Phước đặc trưng bởi nghề mành tôm, rập, câu, rở và te ruốc. Phường Nại Hiên Đông đặc trưng bởi nghề lưới rê, giã cào, mành tôm câu và lặn chêm chếp. Nghề lặn các đối tượng nguồn lợi liên quan đến rạn san hô như: tôm hùm, cá mú, cá diá, cá giò... và các nghề lưới rê, mành tôm, te ruốc, rập hoạt động quanh bán đảo Sơn Trà là đặc trưng ngành nghề khai thác của phường Thọ Quang.

So với kết quả điều tra của Nguyễn Văn Long (2006) thì các nghề khai thác thủy sản vùng ven bờ Đà Nẵng năm 2011 có một số điểm khác: xuất hiện 2 nghề mới là nghề lưới rê chim (rê cá chim) và nghề lờ Trung Quốc (lờ dây), đây là 2 nghề chỉ mới xuất hiện từ năm 2009. Theo số liệu thống kê của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đà Nẵng thì đến năm 2012 các nghề giã đôi và nghề giã đơn, nghề câu cá, câu mực có số lượng tàu giảm. Tuy nhiên kết quả điều tra và tham vấn cho thấy hiện nay nghề giã cào ở cả 4 phường vẫn còn tồn tại với tỉ lệ khá cao (từ 10-31%).

### 1.2. Đối tượng khai thác

Đối tượng truyền thống của nghề te ruốc là ruốc (*Acetes spp*), tuy nhiên mùa vụ của ruốc từ tháng 12 đến tháng 2, trùng với mùa vụ đánh bắt tôm hùm giống nên vào vụ này tôm hùm giống thường lẫn trong te ruốc, vì có giá trị kinh tế cao nên tôm hùm cũng là đối tượng nguồn lợi chính của nghề te ruốc. Nghề lặn là nghề đánh bắt hải sản truyền thống của ngư dân miền Trung, đối tượng của nghề lặn cũng đa dạng. Nghề lặn chia làm 2 nhóm: nghề lặn chêm chếp (nghêu lùa) và nghề lặn chuyên đánh bắt những đối tượng nguồn lợi liên quan đến rạn san hô (tôm hùm, cá mú, cá diá, cá giò, cá mó...). Thời gian hoạt động của nghề lặn phụ thuộc rất nhiều vào độ trong của nước và dòng chảy.

Cùng một đối tượng khai thác, tùy từng nghề mà kích thước khai thác cũng khác nhau, ví dụ: cá hổ là đối tượng khai thác của cả nghề câu và nghề lưới (lưới rê, giã cào...), nhưng cá hổ câu có kích thước lớn cỡ 1-1,5m, còn trong một mẻ lưới giã cào chỉ có cá hổ có kích thước nhỏ 15-40cm. Nghề mảnh, hay te ruốc hoặc nghề bẫy thường khai thác được những tôm hùm có kích cỡ nhỏ hơn là nghề lặn.

Kết quả điều tra thể hiện một số điểm khác so với quả điều tra của Nguyễn Văn Long (2006). Một số đối tượng đánh bắt của các nghề vào thời điểm trước đây đã hầu như không còn được đánh bắt hiện nay. Đặc trưng nhất là đối tượng khai thác của nghề lặn trước đây có bào ngư, ngọc trai và hải sâm thì bây giờ những đối tượng này không còn được nhắc đến nữa. Đền (rắn biển) là nguồn lợi có giá trị kinh tế, vào năm 2002 đền còn là đối tượng được ngư dân khai thác (Võ Sĩ Tuấn, 2002), dụng cụ khai thác đền thường là lờ, tuy nhiên kết quả tham vấn cho thấy cho đến những năm gần đây hầu như không thấy đền xuất hiện tại vùng biển Đà Nẵng.

Nghề giã cào là hình thức khai thác hầu hết các loài thủy sản sống đáy và gần đáy ở mọi kích cỡ, đối tượng khai thác của lưới giã cào có trên 50% là cá tạp không dùng làm thực phẩm. Theo quy định, nghề giã cào khai thác ở vùng lộng nhưng qua khảo sát cho thấy vẫn còn nhiều ngư dân làm nghề giã cào tại ven bờ và ngay bên ngoài các rạn san hô, trong quá trình hoạt động đánh bắt bằng giã cào, tất cả các loài thủy sản từ vùng mặt nước đến đáy sâu dưới lớp cát đều bị khai thác triệt để, đây là mối đe dọa tiềm tàng đối với các rạn san hô trong khu vực và ảnh hưởng đến các con non của các loài sinh vật đáy.

## 2. Nguồn lợi khai thác chính

Các nhóm nguồn lợi chủ yếu vùng ven bờ Đà Nẵng là cá, tôm hùm giống, chếp, mực, ruốc, ghẹ và tôm chì. Với mỗi phường vai trò của các nhóm nguồn lợi khác nhau thể hiện ở sản lượng và doanh thu (Bảng 2).

**Bảng 1.** Đối tượng đánh bắt của các loại nghề khai thác ven bờ phổ biến ở Đà Nẵng

STT	Loại nghề khai thác	Đối tượng đánh bắt chính
1	Thả rập	Tôm chì, tôm tít, ghẹ..
2	Câu	Cá hổ, cá lạc, cá đồng, cá cặng, mực, cá giò...
3	Rớ	Cá cơm, cá nục, mực cơm, cá liệt cá phèn
4	Te ruốc	Ruốc, cá cơm, cá ve, tôm hùm nhí...
5	Giã cào	Tôm, mực, ghẹ, ốc, cá chai, cá lươi trâu, cá đuối, cá phèn...
6	Lặn	Tôm hùm, chêm chép, cá mú, địa, giò, lươi trâu, mó, hồng, ốc
7	Mành (mành đèn lươi quây và mành tôm)	Các loài cá nổi (nục, tía..) Tôm hùm nhí
8	Lờ (lờ mực, lờ ốc, lờ tôm nhí)	Mực lá, ốc hương, tôm hùm nhí...
9	Lờ xếp (lờ TQ)	Tất cả các đối tượng thủy sản ven bờ ở tất cả các cỡ
10	Lươi mực (lươi cước)	Mực nang, các loài cá ven bờ gần rạn
11	Lươi chim (rê cá chim)	Cá chim trắng
12	Lươi rê	Cá thu, cá chét, cá hổ, cá rựa, mực nang, ghẹ, tôm, cá chai, cá hanh...
13	Lươi rạn	Cá mú, cá hồng, cá địa, cá giò...
14	Vĩa xi-măng (lờ xi-măng)	Tôm hùm nhí
15	Lươi vây (lươi rùng)	Mực nang, cá mối, cá nhòng, cá chia vôi, cá liệt, cá cơm trồng...

Cá là đối tượng chính trong tổng sản lượng đánh bắt hàng năm, các loại cá đem lại thu nhập cao nhất cho ngư dân Đà Nẵng là cá giò, cá địa, cá nục, cá cơm, cá hổ, cá lạc... Trong đó cá giò, cá địa là nguồn lợi chính của ngư dân ở tất cả các phường ven biển thành phố Đà Nẵng (thực sự cá địa hay cá giò là tên gọi của dân địa phương đặt cho các loài cá thuộc họ Siganidae, trong đó cá địa bông *Siganus guttatus* (địa công, địa chám) được gọi là cá địa, những loài còn lại được gọi là cá giò). Ngoài ra cá loại cá thu, cá ngừ, cá chét, cá rựa, cá cặng... cũng là những đối tượng nguồn lợi có vai trò quan trọng với ngư dân thành phố Đà Nẵng. Chiếm tỉ trọng cao nhất về giá trị nguồn lợi của ngành thân mềm là chêm chép (chíp chíp) và mực (mực lá, mực nang và mực cơm). Nhóm giáp xác có các đối tượng nguồn lợi chính là tôm hùm giống, ghẹ và các loại tôm khác (tôm chì, tôm đất, tôm sắt), trong đó tôm hùm giống là đối tượng đem lại thu nhập cao nhất cho ngư dân phường Thọ Quang, và là một trong những đối tượng đem lại thu nhập cao cho các phường còn lại.

Nhóm cá có kích thước vừa và nhỏ, đặc trưng của nghề cá ven bờ Việt Nam như cá lươi trâu, cá mó, cá phèn, cá nhòng, cá liệt, cá cặng, cá đồng... luôn chiếm một tỉ trọng đáng kể trong các chuyên khai thác. Theo Võ Sĩ Tuấn (2002) cá giò (cá kính) xếp thứ 3 sau cá hổ và cá liệt về sản lượng vào những năm 2000, cho đến nay cá giò cũng nằm trong nhóm nguồn lợi có sản lượng và doanh thu cao.

Ngoài các đối tượng nguồn lợi trên còn có 3 đối tượng vừa có ý nghĩa là nguồn lợi giống vừa là giống của các đối tượng nguồn lợi đó là cá mú con, cá diạ con và cá giò con, được khai thác quanh bán đảo Sơn Trà. Trong đó, cá mú con là nguồn giống đánh bắt cung cấp cho nuôi trồng thủy sản, một số được đem bán chợ. Cá diạ và cá giò con được đánh bắt theo kiểu tận thu để bán chợ làm thực phẩm hoặc có khi làm thức ăn cho gia súc.

**Bảng 2.** Tổng sản lượng và doanh thu ước tính từ một số đối tượng nguồn lợi chủ yếu năm 2011.

Phường	Các đối tượng nguồn lợi	Sản lượng/năm	Doanh thu ( x triệu đồng)
Mân Thái	Tôm hùm giống	53.000 con	9.010
	Cá nục, cá cơm	772 tấn	5.066
	Cá thu, cá chét, cá hổ, cá rựa, cá ngừ	128 tấn	2.100
	Mực (mực lá, mực nang, mực cơm)	32 tấn	800
	Cá diạ	3 tấn	200
Nại Hiên Đông	Chép chép	2.800 tấn	70.000
	Cá hổ, cá lạch	160 tấn	16.800
	Tôm hùm giống	126.000 con	21.420
	Cá giò	80 tấn	3.200
	Ghẹ	32 tấn	3.200
Thọ Quang	Mực (mực lá, mực nang, mực cơm)	32 tấn	3.000
	Tôm hùm giống	147.060 con	25.000
	Mực lá, mực nang	50,4 tấn	8.064
	Cá chim trắng	6 tấn	3.600
	Ruốc	190 tấn	2.900
	Cá giò	12,6 tấn	1.638
	Cá mú	2,52 tấn	630
Cá diạ	2,52 tấn	327	
Thuận Phước	Cá nục, cá cơm	495 tấn	9.075
	Ghẹ, tôm chì	98 tấn	6.740
	Tôm hùm giống	25.200 con	4.284
	Ruốc	654 tấn	980
	Cá giò	77,4 tấn	924
Cá mú	3,52 tấn	1.232	
<b>Tổng cộng</b>			<b>200.190,6</b>

Do giá cá mú giống thấp (5.000đ/con-20.000đ/con) và nhu cầu trên thị trường không cao nên cá mú giống không phải là đối tượng chính trong các chuyên khai thác, thường trong một chuyên khai thác bằng lờ hoặc lặn bắt, gặp cá mú con thì ngư dân đánh bắt, số lượng không nhiều, được bán cho các chủ nậu hoặc bán trực tiếp cho các hộ nuôi, một số bán ra chợ làm thực phẩm với giá rẻ. Ở Đà Nẵng hiện có khoảng 15 ghe có khai thác cá mú giống với sản lượng ước tính 5.500 con/năm.

Cá giò con cỡ 1-2cm xuất hiện rất nhiều quanh bán đảo Sơn Trà vào khoảng ngày 20 tháng 4 đến đầu tháng 5, thời gian này nhiều ghe tập trung đánh bắt cá giò con với sản lượng lớn: 200-800kg/ngày, sau đó đem bán với giá 7.000đ/1kg để làm thức ăn cho gia súc hoặc làm mắm. Hoạt động khai thác này rõ ràng đã làm suy giảm nguồn lợi cá giò vùng biển Đà Nẵng, cần sớm được cơ quan quản lý kiểm soát.

Tôm hùm giống là đối tượng được khai thác triệt để nhất do có sản lượng lớn và giá thành cao. Mùa vụ khai thác diễn ra quanh năm, trong vụ chính (tháng 10 đến tháng 2 âm lịch) hoạt động khai thác tôm hùm giống rộ lên với các nghề mành, bẫy (lờ), xúc (te ruốc) và lặn. Ngoài nguồn giống cá và tôm hùm như đã kể trên, vào khoảng tháng 6 -7 ngư dân đi đánh bắt thủy sản thường gặp trứng mực đẻ bám vào dây, trong các lờ mực thời gian này rất nhiều mực đang mang trứng.

### 3. Mùa vụ khai thác

Tại Đà Nẵng trong năm có 2 mùa vụ khai thác là vụ gió mùa Đông Bắc-trùng với mùa mưa (từ tháng 10 đến tháng 3) và vụ gió mùa Tây Nam-trùng với mùa khô (từ tháng 4 đến tháng 9). Riêng nghề cá rạn diễn ra quanh năm trên các rạn san hô với các đối tượng được khai thác triệt để như cá mú, cá đĩa, cá giò, tôm hùm, mực lá... Tôm chì, ghe và mực cũng thường được khai thác quanh năm nhưng vào vụ chính kích thước khai thác thường lớn hơn nên giá thành cũng cao hơn. Nhóm cá nổi như cá nục, cá cơm... có mùa khai thác chính là mùa gió Tây Nam. Cá hổ, cá lạt được khai thác chủ yếu vào mùa gió Đông Bắc, tuy nhiên vào mùa gió Tây Nam cá hổ có kích thước nhỏ vẫn được khai thác với số lượng lớn theo kiểu tận thu bằng lưới giã cào. Cá chim trắng có mùa vụ khai thác từ tháng 11 đến tháng 4. Ruốc (acetec) và tôm hùm giống đều được khai thác vào mùa gió Đông Bắc, tập trung từ tháng 10 đến tháng 2 năm sau.

**Bảng 3:** Mùa vụ khai thác các đối tượng nguồn lợi chính.

Nhóm nguồn lợi chính	Mùa gió Đông Bắc	Mùa gió Tây Nam	Quanh năm
Cá	Cá lạt, cá chim trắng	Cá nục, cá cơm, cá thu, cá ngừ, cá chét, cá rựa	Cá hổ, cá mú, cá đĩa, cá giò, cá mó
Thân mềm		Chép chép	Mực
Giáp xác	Ruốc, tôm hùm giống		Tôm chì, tôm hùm, ghe

Ngoài ra tùy theo hình thức khai thác mà mùa vụ cũng khác nhau. Chép chép là đối tượng có sản lượng cao và xuất hiện quanh năm, nhưng vì người dân



khai thác bằng hình thức lặn ngậm ống dây nên vào kỳ gió mùa Đông Bắc biển thường động và nước đục, việc khai thác khó khăn, lúc đó hầu hết các ngư dân làm nghề này chuyển sang nghề khai thác tôm hùm giống hoặc các nghề khác. Ngoài tôm hùm giống và ruốc, còn lại đa số các đối tượng nguồn lợi sản lượng khai thác ở mùa gió Tây Nam thường lớn hơn mùa gió Đông Bắc Số lượng các đối tượng nguồn lợi khai thác ở mùa gió Tây Nam cũng lớn hơn.

#### **4. Sự thay đổi nguồn lợi**

Kết quả tham vấn cho thấy hầu hết ngư dân đều cho rằng sản lượng và năng suất đánh bắt nguồn lợi thủy sản ven bờ suy giảm khoảng 30 -50% so với 5 năm trước đây, một số loài trở nên hiếm, kích cỡ khai thác ngày càng nhỏ. Trong đó, cá mú và các loại cá rạn san hô khác sản lượng giảm mạnh nhất, đến 80%. Theo ngư dân, có 3 nguyên nhân chính dẫn đến sự suy giảm sản lượng khai thác là:

- *Khai thác quá mức*: Số lượng lớn trên 1.000 chiếc ghe thuyền công suất dưới 20CV khai thác thủy sản vùng ven bờ rộng chỉ 119 km<sup>2</sup>, cùng với hiện tượng khai thác nhằm tận thu mọi kích cỡ của đối tượng nguồn lợi ở mọi giai đoạn trong vòng đời, đặc biệt là trong thời kỳ mang trứng là tác nhân chủ yếu làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản vùng ven bờ Đà Nẵng. Đặc biệt ngày càng có nhiều hoạt động cho khách du lịch ra tham quan câu cá quanh các rạn bao gồm cả cá con của cá mú, cá hồng, cá đĩa ... đã làm nguồn lợi cá rạn san hô vùng bán đảo Sơn Trà gần như suy kiệt.

- *Mất nơi cư trú*: Mặc dù vùng rạn san hô bán đảo Sơn Trà đã được thả phao khoanh vùng bảo vệ, việc kiểm soát còn nhiều hạn chế, vẫn còn hiện tượng thả neo neo đậu tàu thuyền và các hoạt động đánh bắt cá ngay trên rạn phá hỏng san hô - nơi cư trú của các loài sinh vật biển.

- *Ô nhiễm môi trường*: ô nhiễm môi trường từ chất thải rắn và nước thải của các công trình xây dựng resort, công trình làm cầu Thuận Phước; các hoạt động hút đất, nạo vét sông, hút bùn... làm môi trường sống của thủy sinh vật bị ô nhiễm dẫn đến suy giảm nguồn lợi vùng biển Đà Nẵng.

Có thể nói, cá là nhóm nguồn lợi chủ yếu vùng ven bờ Đà Nẵng, gồm có các đối tượng chính như: cá giò, cá đĩa, cá cơm, cá nục, cá hổ, cá lạc, cá thu, cá ngừ, cá rựa.... Nguồn lợi thân mềm và giáp xác có tôm hùm giống, chép chép, mực, ruốc, ghẹ và tôm chì. Tuy nhiên trong vòng 5 năm trở lại đây nguồn lợi này đã suy giảm từ 30-50%, riêng nhóm cá rạn san hô suy giảm đến 80% do hoạt động khai thác quá mức, mất sinh cư và do ô nhiễm môi trường.

- Cơ cấu ngành nghề khai thác thủy sản và các nhóm nguồn lợi tại các phường ven biển ở thành phố Đà Nẵng có các đặc trưng riêng biệt. Hiểu biết về đặc trưng cơ cấu ngành nghề của mỗi phường và các nhóm nguồn lợi thủy sản là

cơ sở khoa học cho các giải pháp sử dụng nguồn lợi thủy sản hợp lý, góp phần tạo sinh kế, xóa đói giảm nghèo cho các cộng đồng dân cư ven bờ.

#### **IV. KẾT LUẬN**

Các nhóm nguồn lợi chủ yếu vùng ven bờ Đà Nẵng là các nhóm cá nổi, nhóm cá rạn san hô và tôm hùm giống, chép chép, mực, ruốc, ghẹ và tôm chì. Tuy nhiên trong vòng 5 năm trở lại đây nguồn lợi này đã suy giảm từ 30-50%, riêng nhóm cá rạn san hô suy giảm đến 80% do hoạt động khai thác quá mức, mất sinh cư và do ô nhiễm môi trường.

Cơ cấu ngành nghề khai thác thủy sản và các nhóm nguồn lợi tại các phường ven biển ở thành phố Đà Nẵng có các đặc trưng riêng biệt, hiểu biết về đặc trưng cơ cấu ngành nghề của mỗi phường và các nhóm nguồn lợi góp phần tạo sinh kế, xóa đói giảm nghèo cho các cộng đồng dân cư ven bờ và mối liên quan đến biến động nguồn lợi thủy sản trong khu vực.

**Lời cảm ơn:** Tác giả xin chân thành cảm ơn Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng, Sở Khoa học và Công nghệ Đà Nẵng, Sở Thủy sản Nông Lâm thành phố Đà Nẵng, Chi cục Thủy sản, Hội nông dân phường Nại Hiên Đông, Thuận Phước, Thọ Quang, Mân Thái đã cung cấp kinh phí, phối hợp, giúp đỡ và tạo điều kiện cho chúng tôi thực hiện nghiên cứu này. Chân thành cảm ơn các chủ tàu, ngư dân và các chủ vựa tại các xã phường ven biển Thành phố Đà Nẵng đã hợp tác và giúp đỡ.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Nguyễn Văn Long, 2006. Điều tra nghiên cứu rạn san hô và các hệ sinh thái liên quan vùng biển từ Hòn Chảo đến nam đèo Hải Vân và bán đảo Sơn Trà.
2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2011. Báo cáo tổng kê ngành nghề khai thác năm 2011.
3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2012. Nâng cao hoạt động đánh bắt hải sản của ngư dân thành phố Đà Nẵng. Đề án năm 2012.
4. Võ Sĩ Tuấn, 2002. Nguồn lợi sinh vật ở một số khu vực ven bờ Đà Nẵng. Báo cáo điều tra, 22 trang.
5. Walters, J. S., J. Maragos, S. Siar and A.T.White, 1998. Participatory coastal resource assessment: A handbook for community workers and coastal resource managers. Coastal Resource Management Project and Silliman University, Cebu City, Philippines, 113p.